

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm trong phiên cuối cùng của năm trước thông tin vắc-xin Covid-19 do Việt Nam sản xuất tạo phản ứng miễn dịch tốt, an toàn, có tác dụng với biến thể mới của SARS-CoV-2

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng mạnh sau nhờ diễn biến tích cực của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

QNS, KBC

[Quan điểm đầu tư]

Tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể thực hiện bán trading 1 phần, đồng thời cân bằng lại vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản

09/02/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,114.93	+2.93
VN30	1,129.49	+3.38
HĐTL VN30F1M	1,130.30	+3.51
HNXIndex	224.90	+1.88
HNX30	336.90	+2.30
UPCoM	73.81	+1.60
USD/VND	22,976	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.23	+0
Lãi suất qua đêm (%)	1.89	+34
Dầu (WTI, \$)	58.34	+0.64
Vàng (LME, \$)	1,838.93	+0.44



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,114.93 (+2.93%)
KLGD (triệu CP) 490.2 (-19.6%)
GTGD (triệu US\$) 551.2 (-23.6%)

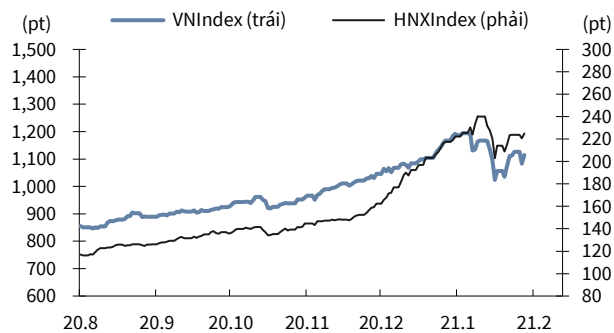
HNXIndex 224.90 (+1.88%)
KLGD (triệu CP) 73.8 (-39.5%)
GTGD (triệu US\$) 54.7 (-33.1%)

UPCoM 73.81 (+1.60%)
KLGD (triệu CP) 30.9 (-35.8%)
GTGD (triệu US\$) 18.6 (-32.3%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -23.1

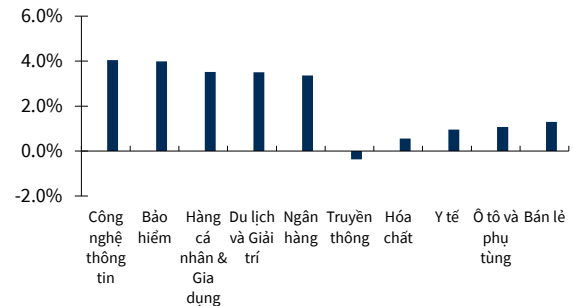
TTCK tăng điểm trong phiên cuối cùng của năm trước thông tin vắc-xin Covid-19 do Việt Nam sản xuất tạo phản ứng miễn dịch tốt, an toàn, có tác dụng với biến thể mới của SARS-CoV-2. Thông tin nhiều ngân hàng hạ lãi suất huy động ở hầu hết kỳ hạn, mức giảm phổ biến là 0.1% - 0.4% tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm ngân hàng như VCB (+3.3%), TCB (+2.9%). Bộ Nông, Lâm & Ngư nghiệp Campuchia đã ra thông cáo tiếp tục cho phép nhập khẩu các sản phẩm thủy sản, từ Việt Nam nhằm đảm bảo nhu cầu trong nước giúp cổ phiếu thủy sản tăng giá ở VHC (+1.4%), SEA (+2.6%). Theo Hội môi giới Bất động sản Việt Nam (VARs), việc đầu tư xây dựng Sân bay Long Thành tại Đồng Nai và phát triển TP Thủ Đức cộng với hàng loạt tuyến cầu, đường kết nối không gian phát triển các tỉnh Miền Đông Nam Bộ với TP HCM đã tạo nên làn sóng thực sự sôi động cho thị trường bất động sản các tỉnh Miền Đông Nam Bộ giúp cổ phiếu nhóm bất động sản tăng giá ở KBC (+3.8%), DIG (+1.2%). Khối ngoại bán ròng ở VCB (+3.3%), HPG (+2.2%), MBB (+3.6%).

VNIndex & HNXIndex



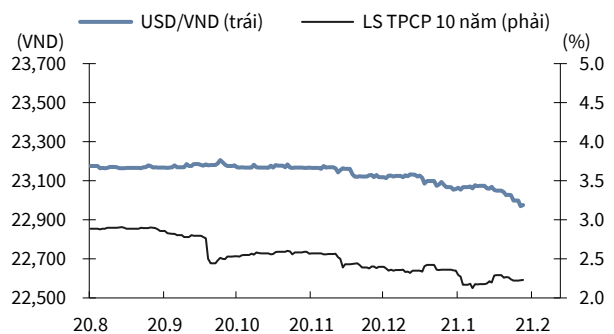
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

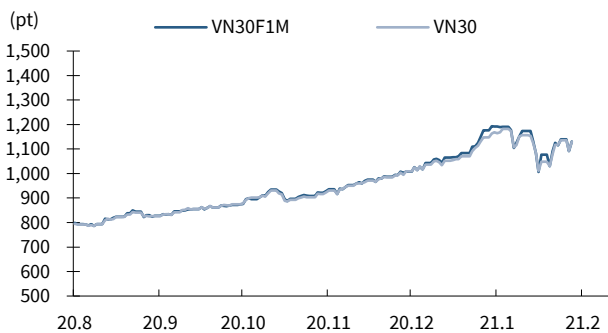
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,129.49 (+3.38%)
VN30F1M	1,130.3 (+3.51%)
Mở cửa	1,100.0
Cao nhất	1,142.9
Thấp nhất	1,095.0

HĐTL tăng mạnh sau nhờ diễn biến tích cực của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2102 và VN30 mở cửa ở mức 5.1 và giao động quanh 5.2 và 15.5, đóng cửa ở mức 0.81. NĐTNN bán ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

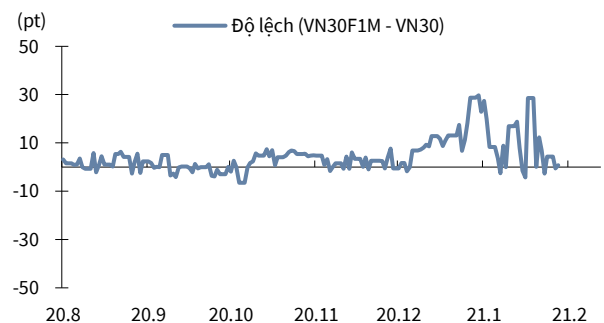
KLGD (HĐ)	211,302 (-19.6%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



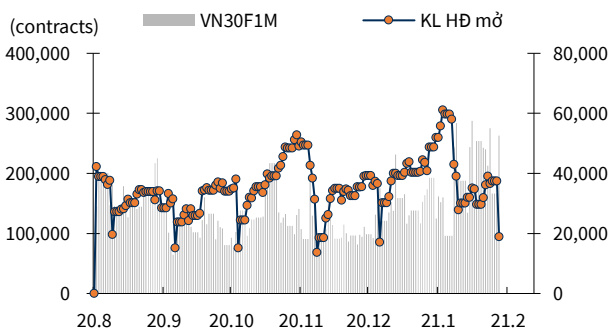
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



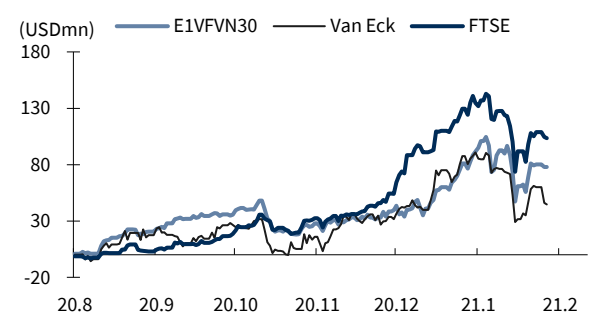
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

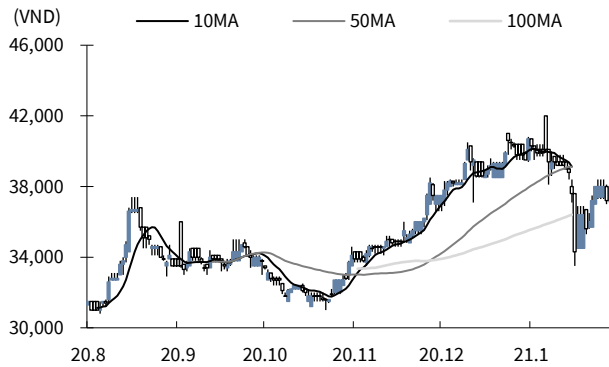
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

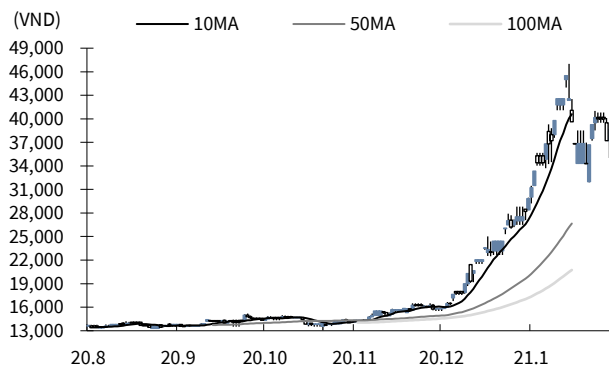
Đường Quảng Ngãi (QNS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- QNS tăng 0.8% lên 37,800 VNĐ/cp.
- QNS thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tạm ứng cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền tỷ lệ 5%, ngày đăng ký cuối cùng vào 1/3 và thời gian thanh toán dự kiến 11/3. Với gần 357 triệu cổ phiếu đang lưu hành dự kiến số tiền chi trong đợt này là 178.5 tỷ đồng. Theo đó tổng mức chi trả sau 2 đợt là 10%, kế hoạch cổ tức cả năm 2020 là ít nhất 15%.

Tổng CTCP Phát triển đô thị Kinh Bắc (KBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC tăng 3.8% lên 38,600 VNĐ/cp.
- KBC công bố kế hoạch phát hành 400 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp có mệnh giá 100,000 đồng/trái phiếu với lãi suất trái phiếu cố định 10.5%/năm trong thời hạn 2 năm. Kinh Bắc dự kiến phát hành trái phiếu trong quý I để bổ sung tiền cho 2 công ty con quản lý 2 khu công nghiệp Tràng Duệ và Quang Châu.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

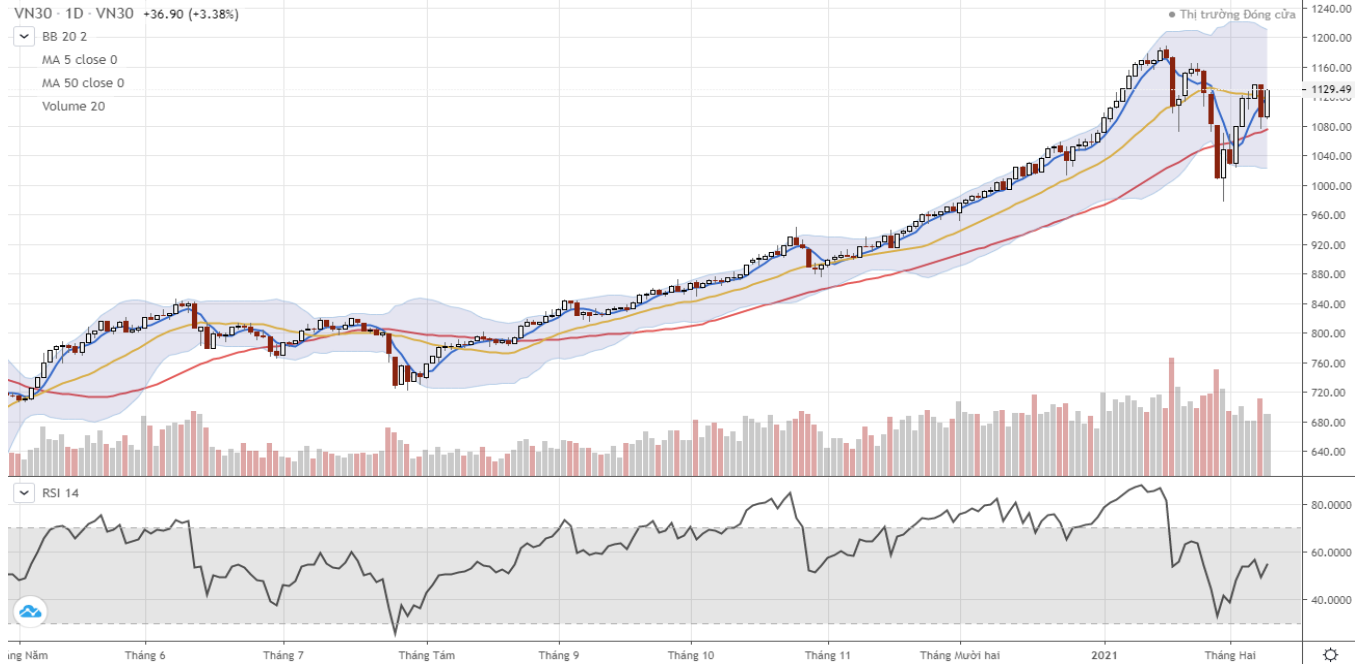
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



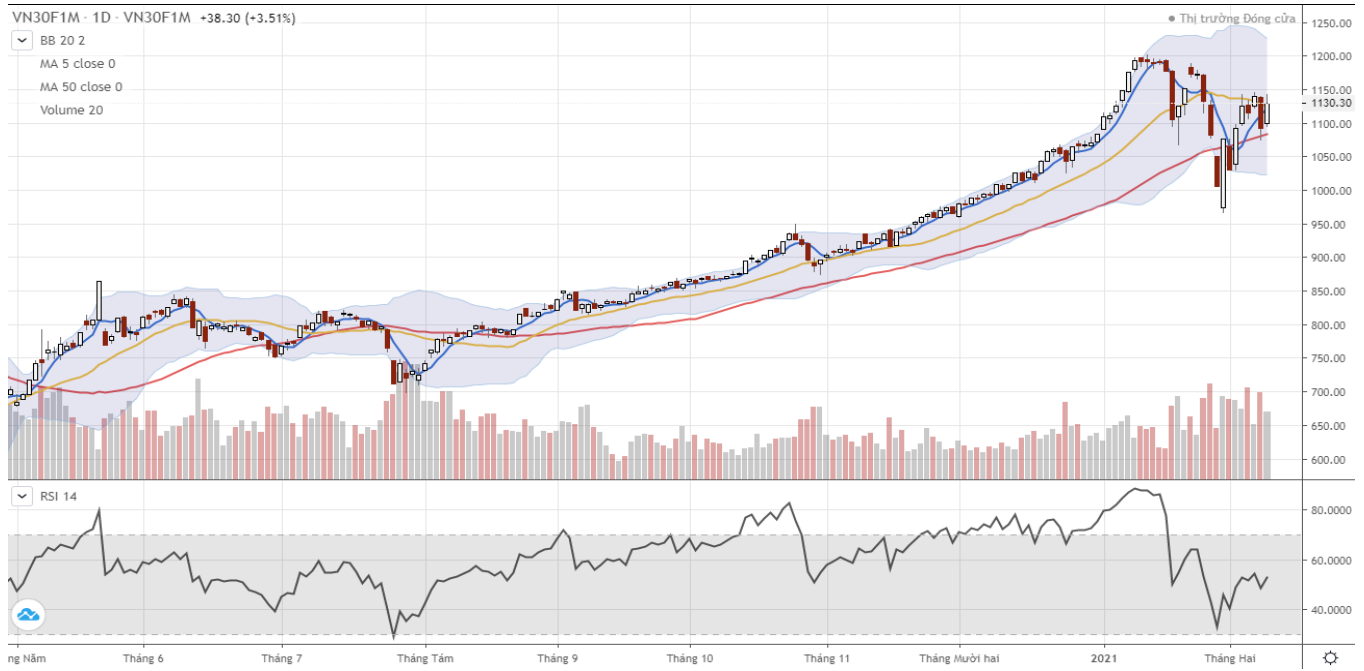
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex nhanh chóng lấy lại nhịp hồi phục với các nhịp tăng gổ đầu trong phiên.
- Với việc sớm nhận được lực đỡ, chúng tôi cho rằng chỉ số có cơ hội lớn hướng tới vùng cản quanh 1150 (+5) trước khi chịu áp lực rung lắc rõ nét hơn.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể thực hiện bán trading 1 phần, đồng thời cân bằng lại vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1155 - 1165

Kháng cự gần: 1140 - 1143

Hỗ trợ gần: 1122 - 1125

Hỗ trợ xa: 1105 - 1110

— F1 hồi phục mạnh dù vấp phải áp lực chốt lời cuối phiên.

— Với việc sớm lấy lại đà phục hồi, chúng tôi cho rằng chỉ số có cơ hội lớn hướng tới vùng cản quanh 1150 (+5) trước khi chịu áp lực rung lắc rõ nét hơn.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Quay lại chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều trong phiên.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở, chờ gia tăng trạng thái nếu về lại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

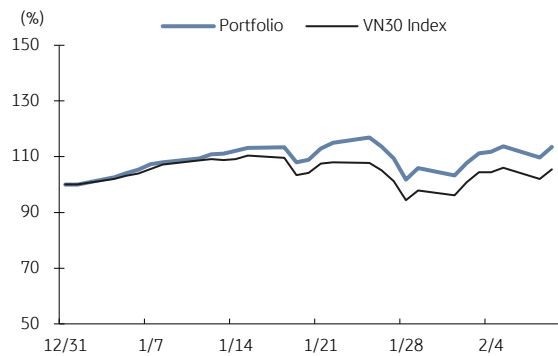
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	3.38%	3.41%
Tăng lũy kế (YTD)	5.48%	13.46%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 09/02/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	129,500	0.8%	11.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	33,400	3.4%	36.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	83,600	3.3%	9.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	24,750	3.6%	45.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	57,000	5.6%	67.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	74,600	4.6%	122.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	35,400	4.0%	45.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	81,300	2.9%	10.8%	- Hướng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	41,800	2.2%	113.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	38,600	3.8%	181.8%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KBC	3.8%	20.4%	96.4
E1VFN30	4.7%	98.4%	48.5
MSN	3.6%	32.4%	31.6
GMD	3.6%	37.9%	31.2
FUEFVND	4.2%	100.0%	26.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCB	3.3%	23.7%	-186.4
HPG	2.2%	31.1%	-122.1
MBB	3.6%	23.0%	-87.0
VRE	2.1%	31.2%	-72.2
SSI	3.8%	44.7%	-48.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVB	0.0%	6.8%	9.6
CDN	6.4%	21.5%	0.6
MBS	3.8%	0.1%	0.4
BNA	9.9%	0.6%	0.3
S99	9.9%	0.4%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	3.3%	10.2%	-22.0
VCS	1.9%	3.5%	-1.6
IDV	-0.4%	17.7%	-1.4
IDJ	0.0%	3.4%	-1.2
ACM	0.0%	2.8%	-0.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	11.5%	FPT, SAM
Dịch vụ tài chính	9.9%	SSI, VND
Bảo hiểm	8.6%	BVH, BMI
Dầu khí	8.2%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.2%	APH, REE

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-0.7%	YEG, AAA
Xây dựng và Vật Liệu	1.1%	VGC, ROS
Y tế	1.4%	OPC, DBD
Du lịch và Giải trí	1.6%	VJC, HOT
Bất động sản	1.7%	NVL, HPX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	10.7%	FPT, SGT
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.7%	TCM, GIL
Bán lẻ	1.6%	MWG, ABS
Xây dựng và Vật Liệu	-1.4%	VGC, VCG
Bất động sản	-4.2%	BCM, PDR

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-16.0%	PHR, DPM
Truyền thông	-14.1%	YEG, AAA
Bảo hiểm	-12.6%	BVH, BMI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-11.7%	GAS, POW
Dịch vụ tài chính	-10.0%	FIT, APG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	106,200	359,214 (15,634)	152,151 (6.6)	22.6	43.6	30.7	11.1	8.5	11.0	3.4	3.1	5.1	0.3	-5.0	-1.8	
	VHM	VINHOMES JSC	96,800	318,425 (13,859)	296,958 (12.9)	26.7	10.1	8.6	37.1	30.7	28.4	2.8	2.2	2.2	2.5	0.4	8.2	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	31,550	71,692 (3,120)	232,600 (10.1)	17.8	23.1	17.4	-7.6	10.4	12.3	2.3	2.2	2.1	-1.3	-	0.5	
	NVL	NO VA LAND INVES	79,000	84,052 (3,658)	306,375 (13.3)	31.3	19.6	16.6	6.4	13.5	13.7	2.6	2.2	1.7	-1.9	5.5	21.1	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,900	17,826 (776)	51,053 (2.2)	11.6	14.5	9.4	17.7	15.1	20.1	2.0	1.7	2.9	4.4	4.6	8.9	
	DXG	DAT XANH GROUP	22,950	11,895 (518)	214,385 (9.3)	13.9	10.9	7.7	-	15.2	18.2	1.5	1.2	7.0	17.7	33.8	43.9	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	97,200	360,503 (15,690)	128,568 (5.6)	6.3	18.2	14.3	17.8	19.9	21.2	3.1	2.7	3.3	0.7	-7.3	-0.7	
	BID	BANK FOR INVESTM	40,800	164,098 (7,142)	86,134 (3.7)	12.7	17.6	11.7	4.9	12.2	15.4	1.9	1.7	1.7	3.7	15.9	-14.8	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	36,000	126,177 (5,492)	597,347 (25.9)	0.0	9.7	8.3	14.4	16.6	16.3	1.5	1.2	2.9	5.9	0.8	14.3	
	CTG	VIETNAM JS COMM	35,400	131,809 (5,737)	358,948 (15.6)	1.3	9.9	7.9	61.0	15.3	16.0	1.4	1.2	4.0	4.4	-8.5	2.5	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	38,500	94,508 (4,113)	229,006 (9.9)	0.0	8.8	7.9	18.8	18.5	17.2	1.5	1.3	6.9	16.1	8.3	18.5	
	MBB	MILITARY COMMERC	24,750	69,269 (3,015)	438,257 (19.0)	0.0	7.2	6.1	14.6	18.7	19.0	1.2	1.0	3.6	6.0	-7.0	8.6	
	HDB	HDBANK	24,100	38,410 (1,672)	112,813 (4.9)	4.1	7.2	6.2	23.4	19.0	18.5	1.3	1.1	2.8	3.9	11.1	1.5	
	STB	SACOMBANK	18,150	32,736 (1,425)	592,229 (25.7)	13.9	13.8	11.0	32.4	8.6	9.9	1.1	1.0	4.3	5.8	-6.4	7.4	
	TPB	TIEN PHONG COMME	26,850	27,700 (1,206)	82,055 (3.6)	0.0	7.6	6.4	37.5	19.9	19.7	1.4	1.2	2.5	6.1	-5.8	0.2	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,800	21,884 (952)	17,090 (0.7)	0.2	29.3	23.2	27.3	4.4	5.3	1.3	1.2	0.3	1.7	-	12.7	-7.5	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	59,900	44,465 (1,935)	61,994 (2.7)	21.0	28.5	24.9	15.2	8.1	8.6	2.1	2.0	4.4	9.5	-	12.3	-9.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	25,500	2,330 (101)	17,482 (0.8)	14.1	12.3	10.1	8.4	9.4	11.1	1.0	0.9	2.0	5.4	20.3	-16.7	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	31,750	19,019 (828)	464,305 (20.1)	55.3	16.3	14.5	0.0	11.6	12.0	-	-	3.8	14.2	-7.0	-4.1	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	52,900	8,760 (381)	85,829 (3.7)	71.9	11.3	-	-4.0	15.5	-	-	-	2.9	9.1	-	12.4	-9.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	28,200	8,602 (374)	179,490 (7.8)	52.2	16.2	-	-19.0	14.6	-	-	-	2.7	10.2	-	13.5	-10.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,100	5,651 (246)	147,823 (6.4)	27.1	-	-	36.7	11.2	-	-	-	4.2	17.8	-8.4	-9.7	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	108,000	225,715 (9,824)	327,888 (14.2)	42.1	19.8	18.3	4.0	38.7	37.5	6.8	5.9	2.6	1.5	-3.6	-0.7	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	180,200	115,559 (5,030)	39,485 (1.7)	36.8	22.0	18.9	7.3	25.3	26.3	5.0	4.5	3.6	0.7	-9.1	-7.6	
	MSN	MASAN GROUP CORP	88,700	104,194 (4,535)	211,217 (9.2)	16.6	39.4	25.8	-51.9	9.7	14.2	3.1	2.9	3.6	5.6	-4.7	-0.2	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,150	12,360 (538)	117,580 (5.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	6.7	4.7	-	34.2	-23.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	129,000	67,575 (2,941)	90,200 (3.9)	11.1	43.7	20.6	-88.3	14.1	18.3	4.1	3.6	3.5	-0.5	2.0	3.2	
	GMD	GEMADEPT CORP	30,600	9,222 (401)	121,503 (5.3)	11.1	20.5	15.4	-57.3	7.5	9.5	1.5	1.4	3.6	10.5	-9.7	-6.1	
	CII	HO CHI MINH CITY	21,350	5,099 (222)	58,378 (2.5)	39.0	10.6	7.1	78.0	8.9	12.0	0.9	0.9	2.2	3.4	-4.3	-0.2	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,500	1,987 (86)	123,591 (5.4)	46.3	-	-	-89.3	-	-	-	-	-4.1	-9.8	38.9	38.3	
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,250	9,760 (425)	154,945 (6.7)	37.7	11.7	7.2	-13.8	12.4	17.5	-	-	0.7	5.7	-	13.5	-10.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	69,000	5,126 (223)	90,068 (3.9)	3.6	9.7	9.8	-43.9	6.4	6.5	0.6	0.6	0.6	1.5	-	10.3	-11.2
	REE	REE	57,000	17,616 (767)	46,743 (2.0)	0.0	10.3	9.2	-4.5	14.2	13.7	1.4	1.3	5.6	6.5	11.1	16.4	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	81,300	155,604 (6,772)	89,788 (3.9)	46.1	15.9	14.8	-18.6	22.5	20.5	3.1	3.1	2.9	6.3	-	12.3	-6.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,600	6,506 (283)	20,358 (0.9)	31.4	9.6	8.1	-10.5	16.9	20.3	1.6	1.5	0.4	-4.0	-9.4	-8.1	
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,800	8,272 (360)	14,116 (0.6)	34.1	10.6	10.6	-5.3	12.0	13.0	1.3	1.3	2.0	4.0	0.8	5.5	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	41,800	138,495 (6,028)	1,079,135 (46.8)	17.9	9.4	8.3	25.2	22.4	21.7	2.0	1.6	2.2	3.2	-2.2	0.8	
	DPM	PETROVIETNAM FER	15,950	6,242 (272)	45,175 (2.0)	36.4	9.7	11.0	0.2	8.9	7.5	0.7	0.7	0.3	5.6	-	17.4	-15.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,500	6,618 (288)	46,752 (2.0)	46.5	15.4	14.4	-4.3	7.8	8.2	1.1	1.1	-0.4	5.9	-	12.6	-10.7
	HSG	HOA SEN GROUP	24,000	10,663 (464)	229,525 (10.0)	38.9	8.7	7.5	67.9	17.1	16.1	1.4	1.2	2.1	5.0	-0.4	8.4	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	13,000	2,883 (125)	44,168 (1.9)	97.1	8.3	9.2	21.9	10.6	9.6	0.8	0.8	1.2	4.0	-	14.2	-9.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	53,000	64,597 (2,812)	55,051 (2.4)	4.6	19.6	16.7	-49.7	15.3	16.4	2.6	2.6	1.9	6.6	-5.7	-2.9	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	21,200	8,928 (389)	237,556 (10.3)	39.7	50.9	25.5	-11.9	1.1	2.4	0.6	0.6	4.4	21.1	7.9	30.9	
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,400	5,308 (231)	121,168 (5.3)	35.7	10.0	9.3	-0.1	10.4	10.3	0.9	0.8	2.2	6.5	9.0	17.1	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	129,500	60,363 (2,627)	202,794 (8.8)	0.0	11.9	9.4	13.7	28.0	28.5	3.0	2.5	0.8	1.2	6.3	8.9	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	83,600	19,008 (827)	56,118 (2.4)	0.0	15.7	12.4	7.0	22.9	23.8	3.2	2.6	3.3	2.6	1.5	3.2	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	39,600	1,239 (054)	3,315 (0.1)	70.6	12.1	9.3	-	8.5	10.2	1.0	0.9	1.3	2.3	-	13.9	-14.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	26,300	2,077 (090)	53,464 (2.3)	30.5	16.3	12.4	-75.2	9.2	13.4	1.7	1.6	1.5	8.7	-	22.5	-17.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	57,800	7,832 (341)	68,911 (3.0)	34.6	8.2	14.6	41.1	32.6	16.9	2.3	2.4	0.7	1.0	-	11.8	-8.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	101,000	13,205 (575)	2,120 (0.1)	45.4	17.3	16.7	10.7	20.3	19.7	3.2	3.0	1.2	3.0	-6.5	-2.9	
	PME	PYMEPHARCO JSC	76,000	5,701 (248)	105 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	0.0	1.3	0.0	-0.7	
IT	FPT	FPT CORP	74,600	58,479 (2,545)	191,724 (8.3)	0.0	15.1	12.4	15.5	25.4	27.1	3.2	3.0	4.6	13.0	17.9	26.2	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.